TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2026
v/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hà

Ông Nguyễn Thông Thái

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Văn Hồng Lễ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn V**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: thôn 02, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Bùi L**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn M 02, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn V trình bày: Về hôn nhân: Bà và ông Bùi L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2016, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi, bà và ông Bùi L có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P vào ngày 12/3/2018.

Sau khi cưới, bà và ông Bùi L vào thành phố Hồ Chí Minh thuê trọ sống

được vài tháng thì trở về nhà ba mẹ bà ở P sinh sống. Khoảng thời gian đầu cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi ông Bùi L đi làm ăn xa thì bắt đầu lâm vào cờ bạc và không quan tâm đến vợ con nữa, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vì nghĩ đến con nhỏ nên khi ông Bùi L quay lại bà vẫn lựa chọn tha thứ. Đến năm 2020, khi bà sinh đứa con thứ hai thì ông Bùi L đã bỏ 03 mẹ con bà đi sống chung với người phụ nữ khác. Từ đó đến nay bà và ông Bùi L sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Hiện nay ông Bùi L đang chấp hành án tại trại giam Thủ Đức. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi L.

Về con chung: Trong giao đoạn hôn nhân bà và ông Bùi L có 02 con chung tên Nguyễn T – sinh ngày 05/10/2016 và Nguyễn N – sinh ngày 12/8/2020. Từ năm 2020 đến nay các con vẫn ở với bà, do đó bà xin được tiếp tục nuôi 02 con, bà không yêu cầu ông Bùi L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản làm việc tại Trại giam Thủ Đức ông Bùi L trình bày: ông và bà Nguyễn V có tự nguyện tìm hiểu chung sống và đăng ký kết hôn ngày 12/3/2018 tại UBND thị trấn P. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông ăn chơi, cờ bạc, nghiện ma túy. Nay bà Nguyễn V yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn V.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn V có 02 con chung tên Nguyễn T – sinh ngày 05/10/2016 và Nguyễn N – sinh ngày 12/8/2020. Ông đồng ý giao 02 con chung cho bà Nguyễn V nuôi dưỡng, khi chấp hành án xong ông sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Bùi L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông Bùi L có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn V và bị đơn ông Bùi L. Về con chung: giao cho bà Nguyễn V quyền nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên, bà Nguyễn V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn V và ông Bùi L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn V khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề con chung với ông Bùi L, do đó đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Bùi L có nơi cư trú tại thôn M 02, xã P, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

Ông Bùi L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi L theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn V và ông Bùi L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận vào năm 2018 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà Nguyễn V trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là ông Bùi L cờ bạc và không quan tâm đến vợ con. Ông Bùi L thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông ăn chơi, cờ bạc, nghiện ma túy. Lời trình bày của bà Nguyễn V phù hợp với lời trình bày của ông Bùi L. Nay bà Nguyễn V yêu cầu được ly hôn với ông Bùi L, ông Bùi L đồng ý theo yêu cầu của bà Nguyễn V. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn V và ông Bùi L.

[3] Về con chung: Trong giai đoạn hôn nhân, bà Nguyễn V và ông Bùi L có 02 con chung tên Nguyễn T – sinh ngày 05/10/2016 và Nguyễn N – sinh ngày 12/8/2020. Từ khi ông Bùi L đi chấp hành án thì các con chung do một mình bà

Nguyễn V nuôi dưỡng. Bà Nguyễn V xin nhận nuôi con và không yêu cầu ông Bùi L cấp dưỡng nuôi con. Ông Bùi L đồng ý giao 02 con chung cho bà Nguyễn V nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận của ông Bùi L và bà Nguyễn V, giao 02 con chung cho bà Nguyễn V tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên.

Bà Nguyễn V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn V và ông Bùi L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn V và ông Bùi L mỗi người phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa, bà Nguyễn V tự nguyện nộp thay phần án phí cho ông Bùi L.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Điều 55; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn V và ông Bùi L

3/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn T – sinh ngày 05/10/2016 và Nguyễn N – sinh ngày 12/8/2020 cho bà Nguyễn V được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà Nguyễn V có quyền khởi kiện ông Bùi L về cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Ông Bùi L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3/Về án phí: bà Nguyễn V và ông Bùi L mỗi người phải nộp **150.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Nguyễn V đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0006289 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng và tự nguyện nộp thay ông Bùi L, nên miễn hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Nguyễn V.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 14 – Lâm Đồng
- Phòng THADS khu vực 14 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Thị Mỹ Kỷ

TAND KHU VỰC 14

MM3090226.TL.QDBA
455